TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HS-ST
Ngày: 30/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh;

2. Ông Bùi Sỹ Hiền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HS ngày 23/10/2023 đối với các bị cáo:

1. Diệp Ngọc H, sinh ngày 06/8/1973 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Diệp Châu D (đã chết) và bà Đỗ Thị L; bị cáo không có chồng, có 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/4/2023 đến ngày 16/4/2023. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 16/4/2023 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 02/8/1977 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hồng N và bà Nguyễn Thị B; có chồng là Nguyễn Sơn T1 và 01con; tiền án, tiền sự: không. Về nhân thân: Ngày 30/10/2008 bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", đã được xóa. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 05/7/2023 cho đến nay; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Trương Duy N1, sinh năm 1966; nơi đăng ký thường trú: Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: A Đ, Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

2. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1951; nơi cư trú: B Đ, Tổ A, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

3. Lâm Thị T3, sinh năm 1950; nơi cư trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

4. Trà Thanh T4, sinh năm 1971; nơi cư trú: A N, Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

5. Võ Hữu L1, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú: Tổ F, Khu phố G, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

6. Đỗ Xuân H1, sinh năm 1952; nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Tổ D, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

7. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976; nơi cư trú: 1 H, Tổ F, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

8. Trần Thị Mỹ H2, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

9. Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn A, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt;

10. Trần Văn H3, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi chơi lô, số đề của bị cáo Trần Thị Mỹ T vào ngày 06/4/2023: Được biết Diệp Ngọc H là "Chủ đề" nên Trần Thị Mỹ T đã ghi lô, số đề cho nhiều người khác nhau với các hình thức "Lô 2 số", "chơi đầu, cuối", "lô đá" dựa trên kết quả xổ số của các Đài miền T, Đ miền B, sau đó chuyển cho Diệp Ngọc H để hưởng tiền chênh lệch. Đồng thời T giữ lại một phần và dựa trên kết quả xổ số để nhận tiền thắng, thua với H.

Vào ngày 06/4/2023 T ghi đề của Diệp Ngọc H theo Đài miền T5 theo hình thức bao lô tổng cộng 200 điểm với số tiền 200 x 12.600đ = 2.520.000đ, trúng 34 điểm được 34 x 70.000đ = 2.380.000đ; theo hình thức đánh đầu, cuối với số tiền 116.000đ. Ghi theo Đài miền Bắc theo hình thức bao lô 30 điểm với số tiền 30 x 21.600đ = 648.000đ; theo hình thức đánh đầu, cuối 50.000đ.

T đã ghi lại cho người chơi khác để hưởng tiền chênh lệch cụ thể:

- Ghi cho Lâm Thị T3 theo Đài miền T5 bao lô 4 điểm với số tiền 4 x 13.000đ= 52.000đ. T thu lợi 1.600đ;

- Ghi choTrần Thị Mỹ Hương theo Đài miền Trung điểm lô, điểm đá tổng cộng 60 điểm với số tiền là 60 x 13.000đ = 780.000đ; theo Đài miền B 10 điểm với số tiền 23.000đ x 10 điểm = 230.000đ. T thu lợi 38.000đ;

- Ghi cho Trương Duy N1 theo Đài miền Trung điểm lô 22 điểm với số tiền 22 x 13.000đ= 286.000đ; trúng 02 điểm, được 02 x 70.000đ= 140.000đ. Theo Đài miền B Tổng điểm lô, đá 13 điểm với số tiền 13 x 23.000đ= 299.000đ. T thu lợi 27.000đ;

- Ghi cho Trà Thanh T4 theo Đài miền Trung điểm lô 08 điểm với số tiền 8 x 13.000đ = 104.000đ, trúng 05 điểm, được 05 điểm x 70.000đ= 350.000đ. T thu lợi 3.200đ;

- Ghi cho Nguyễn Thị T2 theo Đài miền Trung điểm lô 30 điểm với số tiền 30 x 13.000đ= 390.000đ, trúng 10 điểm, được 10 x 70.000đ =700.000đ. T thu lợi 12.000đ.

- Ghi cho Võ Hữu L1 theo Đài miền Trung điểm lô 15 điểm số tiền là 15 x 13.000đ= 195.000đ. Đánh đầu, cuối 116.000đ. T thu lợi 6.000đ.

Như vậy trong lô, số đầu cuối và 200 điểm Thịnh ghi của H theo Đài miền T, T đã ghi lại cho các những người khác số đầu, cuối 116.000đ và 139 điểm với số tiền 139 x 13.000đ = 1.807.000đ; người chơi thắng 17 điểm, được 17 x 70.000đ = 1.190.000đ. T giữ lại để tính thắng thua với H 61 điểm với số tiền 61 x 12.600đ = 768.600đ; thắng 17 điểm, được 17 x 70.000đ = 1.190.000đ. Xác định số tiền T đánh bạc theo Đài miền T là 1.807.000đ + 1.190.000đ + 768.600đ + 1.190.000đ + 116.000đ = 5.071.000đ.

Trong trong lô, số đầu cuối và 30 điểm Thịnh ghi của H theo Đài miền B, T đã ghi lại cho các những người khác số đầu, cuối 50.000đ và 23 điểm với số tiền 23 x 23.000đ = 529.000đ. T giữ lại để tính thắng thua với H 7 điểm với số tiền 7 x 21.600đ = 151.200đ. Xác định số tiền T đánh bạc theo Đài miền B là 50.000đ + 529.000đ + 151.200đ = 730.200đ.

2. Hành vi chơi lô, số đề của bị cáo Diệp Ngọc H vào ngày 06/4/2023: Vào ngày 06/4/2023 bị cáo T đã ghi các lô, số đề cho bị cáo T nêu trên và còn ghi lô, số đề cho những người khác cụ thể như sau:

- Ghi cho Nguyễn Thị Y theo Đài miền T5 theo hình thức bao lô tổng cộng 135 điểm với số tiền 135 x 12.600đ = 1.701.000đ, trúng 40 điểm, được 40 x 70.000đ = 2.800.000đ. Ghi theo Đài miền B hình thức bao lô 10 điểm với số tiền 10 x 21.600đ = 216.000đ, trúng 5 điểm, được 5 x 80.000đ = 400.000đ. Số tiền đánh bạc của Y theo Đài miền T5 là 4.501.000đ; theo Đài miền B là 616.000đ.

- Ghi cho Nguyễn Thị Đ, theo Đài miền T5 theo hình thức bao lô tổng cộng 209 điểm với số tiền 209 x 12.600đ = 22.633.400đ, trúng 25 điểm, được 25 x 70.000đ = 1.750.000đ; theo hình thức đánh đầu, cuối với số tiền 125.000đ. Ghi theo Đài miền Bắc theo hình thức bao lô 115 điểm với số tiền 115 x 21.600đ =

2.484.000đ, trúng 5 điểm, được 5 x 80.000đ = 400.000đ. Số tiền đánh bạc của Đ theo Đài miền T5 là 4.508.400đ; theo Đài miền B là 2.884.000đ.

- Ghi cho Trần Văn H3 theo Đài miền Bắc theo hình thức bao lô 25 điểm với số tiền 25 x 21.600đ = 540.000đ, trúng 25 điểm, được 25 x 80.000đ =2.000.000đ. Số tiền đánh bạc của H miền B là 2.540.000đ.

Như vậy Số tiền đánh bạc của Diệp Ngọc H theo Đài miền T5 là 5.071.600đ + 4.501.000đ + 4.508.400đ = 14.081.000đ; theo Đài miền B là 730.200đ + 616.000đ + 2.884.000đ + 2.540.000đ = 6.770.200đ.

3. Hành vi chơi lô, số đề của bị cáo H trong các ngày khác:

- Ngày 02/4/2023, ghi cho Đỗ Xuân H1, theo Đ2 điểm lô 12 điểm với số tiền 12 x 12.500đ = 150.000đ, thắng 5 điểm, được 5 x 70.000đ = 350.000đ, số tiền đánh bạc là 500.000đ. Ghi theo Đài miền Bắc điểm lô 6 điểm với số tiền 6 x 22.500đ = 135.000đ; đánh đầu, cuối 20.000đ, số tiền đánh bạc là 155.000đ.

- Ngày 03/4/2023, ghi cho Đỗ Xuân H1, theo Đ2 điểm lô 20 điểm với số tiền 20 x 12.500đ = 250.000đ, thắng 5 điểm, được 5 x 70.000đ = 350.000đ; đánh đầu, cuối 20.000đ; số tiền đánh bạc là 620.000đ. Ghi theo Đài miền B1 điểm lô 8 điểm với số tiền 8 x 22.500đ = 180.000đ, số tiền đánh bạc là 180.000đ.

- Ngày 04/4/2023, ghi cho Đỗ Xuân H1, theo Đ3 điểm lô 12 điểm với số tiền 12 x 12.500đ = 150.000đ, số tiền đánh bạc là 150.000đ. Ghi cho Trương Duy N1 theo Đài Đ điểm lô 20 điểm với số tiền 20 x 12.500đ = 250.000đ, số tiền đánh bạc là 250.000đ.

4. Quá trình điều tra đã thu giữ các tài liệu, đồ vật, tài sản gồm: Thu giữ của Diệp Ngọc H 01 tờ giấy khổ A4 (phơi đề) có ghi lô, số đề mà Diệp Ngọc H đã ghi cho người khác trong ngày 06/4/2023 (lưu hồ sơ vụ án) và 01 điện thoại di động hiệu SamSung màu đen có gắn sim số 0353117057. Thu giữ của Trần Thị Mỹ T 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen, có gắn sim số 0986354637.

5. Cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 14/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố các bị cáo Diệp Ngọc H, Trần Thị Mỹ T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Diệp Ngọc H, Trần Thị Mỹ T phạm tội "Đánh bạc";

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Diệp Ngọc H.

Đề nghị xử phạt bị cáo Diệp Ngọc H từ 09 đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ T từ 07 đến 09 tháng tù;

Đề nghị xử phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội gồm sim điện thoại số 0353117057 của Diệp Ngọc H và sim điện thoại số 0986354637 của Trần Thị Mỹ T. Tịch thu sung ngân sách nhà nước các điện thoại các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Buộc các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp tiền dùng vào việc đánh bạc và tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 06/4/2023 bị cáo Diệp Ngọc H tham gia đánh bạc trái phép theo hình thức chơi lô, số đề với số tiền dùng đánh bạc theo Đài miền T5 là 14.081.000đ và theo Đài miền B là 6.770.200đ. Bị cáo Trần Thị Mỹ T tham gia đánh bạc trái phép theo hình thức chơi lô, số đề với số tiền dùng đánh bạc theo Đài miền T5 là 5.071.600đ. Do vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Số tiền đánh bạc của Diệp Ngọc H với Đỗ Xuân H1, Trương Duy N1 vào các ngày 02/4/2023, 03/4/2023, 04/4/2023 dưới 5.000.000đ; số tiền đánh bạc theo Đài miền B của Trần Thị Mỹ T vào ngày 06/4/2023 dưới 5.000.000đ; những người tham gia ghi lô, số đề gồm Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Đ, Trần Văn H3, Lâm Thị T3, Trần Thị Mỹ H2, Trương Duy N1, Trà Thanh T4, Nguyễn Thị T2, Võ Hữu L1 không có tiền án, tiền sự về hành vi quy định tại Điều 321, Điều 322 của Bộ luật Hình sự và có số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ nên không đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do vậy Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, Đội trưởng Đ4 Công an thị xã A đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H tham gia đánh bạc hai lần theo Đài miền T5 và Đ1 miền Bắc với số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo H tính đến lần phạm tội này chưa có hành vi vi phạm pháp luật nào bị xử lý. Bị cáo T đã từng bị Tòa án xét xử về tội "Đánh bạc" (chơi lô, số đề).

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo: Các bị cáo cố ý cùng tham gia thực hiện một tội phạm là đồng phạm nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo H trực tiếp ghi lô, số đề và chi trả thưởng, nên là "Chủ đề" và đóng vai trò chính. Bị cáo T ghi lô, số đề cho người khác và chuyển cho H để hưởng tiền chênh lệnh đồng thời để lại một phần để tính thắng, thua và nhận tiền từ H nên là đồng phạm.

[7] Về hình phạt: Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng tại địa phương do vậy cần phải có hình phạt nghiêm đối với các bị cáo. Bị cáo H là "Chủ đề" đóng vai trò chính trong vụ án, bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ và một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo T có nhân thân xấu, có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mới có đủ tác dụng giáo dục và răn đe. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Xét cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về biện pháp tư pháp: Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tại hồ sơ phù hợp với lời khai của các bị cáo xác định: Bị cáo T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn H3, bà Nguyễn Thị Y chưa chuyển tiền ghi lô đề cho bị cáo H; bị cáo H chưa chuyển tiền trúng thưởng cho bị cáo T, bà Đ, bà Y và ông H3. Những người ghi đề với bị cáo T gồm bà Lâm Thị T3, bà Trần Thị Mỹ H2, ông Trương Duy N1, ông Trà Thanh T4, bà Nguyễn Thị T2, ông Võ Hữu L1 đã trả tiền ghi đề cho bị cáo T và bị cáo T cũng đã trả tiền thắng đề cho ông N1, ông T4, bà T2. Do vậy theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, cần tịch thu số tiền là dùng vào việc đánh bạc và tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau:

Tịch thu của bị cáo T số tiền bị cáo đã nhận từ người ghi đề là 2.452.000đ (bị cáo phải chuyển cho H 2.364.200đ, bị cáo thu lợi 87.800đ); tiền phải bỏ ra để ghi đề từ bị cáo H đối với lô, số bị cáo nhận lại chơi là 969.800đ. Tổng cộng 3.421.000đ.

Tịch thu của bị cáo Hằng số tiền bị cáo phải bỏ ra để chi trả thưởng cho bị cáo T là 2.380.000đ, bà Nguyễn Thị Đ là 2.150.000đ, ôngTrần Văn H4 là 2.000.000đ, bà Nguyễn Thị Y là 3.200.000đ. Tổng cộng 9.730.000đ.

Tịch thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiền đã nhận được từ việc thắng đề gồm: ông Trương Duy N1 140.000đ; ông Trà Thanh T4 350.000đ; bà Nguyễn Thị T2 700.000đ.

Tịch thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiền phải bỏ ra để để ghi lô, số đề nhưng chưa đưa gồm: Bà Nguyễn Thị Y 1.917.000đ, bà Nguyễn Thị Đ 5.242.400đ, ông Trần Văn H3 540.000đ.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội để nộp ngân sách Nhà nước gồm: Một điện thoại di động hiệu SamSung màu đen của bị cáo Diệp Ngọc H và một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen của bị cáo Trần Thị Mỹ T.

- Tịch thu vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội để tiêu hủy gồm sim điện thoại số 0353117057 của Diệp Ngọc H và sim điện thoại số 0986354637 của Trần Thị Mỹ T.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 299; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Diệp Ngọc H;

1. Tuyên bố các bị cáo Diệp Ngọc H, Trần Thị Mỹ T phạm tội "Đánh bạc";

2. Xử phạt bị cáo Diệp Ngọc H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 07/4/2023 đến ngày 16/4/2023.

3. Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

4. Về hình phạt bổ sung:

Xử phạt bị cáo Diệp Ngọc H 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mỹ T 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Trần Thị Mỹ T phải nộp 3.421.000đ (ba triệu, bốn trăm hai mươi mốt nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Diệp Ngọc H phải nộp 9.730.000đ (chín triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp tiền để sung ngân sách nhà nước cụ thể: Trương Duy N1 phải nộp 140.000đ (một trăm bốn mươi nghìn đồng); Trà Thanh T4 phải nộp 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng); Nguyễn Thị T2 phải nộp 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng); Nguyễn Thị Y phải nộp 1.917.000đ (một triệu, chín trăm mười bảy nghìn đồng), Nguyễn Thị Đ phải nộp 5.242.400đ (năm triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng), Trần Văn H3 phải nộp 540.000đ (năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

6. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước vật chứng gồm:

+ Một điện thoại di động hiệu SamSung màu đen, số Imei 1: 352287562184637, Imei 2: 355811962184637, SN: R58NC4YJHEK. Được niêm phong trong 01 bì công văn của Công an thị xx A, tại mép dán được dán kín, có dấu đỏ nội dung "Công an thị xã A * Cơ quan Cảnh sát điều tra" và họ tên, chữ ký của Dương Ngọc D1, Diệp Ngọc H và Nguyễn Ngọc A.

+ Một điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen, số seri 1: 357327088568759; số seri 2: 357331081146753. Được niêm phong trong 01 bì công văn của Công an thị xx A, tại mép dán được dán kín, có dấu đỏ nội dung "Công an thị xã A * Cơ quan Cảnh sát điều tra" và họ tên, chữ ký của Dương Ngọc D1, Trần Thị Mỹ T và Nguyễn Ngọc A.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng là sim điện thoại số 0353117057 (gắn trong điện thoại di động hiệu SamSung màu đen nêu trên) và sim điện thoại số 0986354637 (gắn trong điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen nêu trên).

(Vật chứng đang bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/9/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A).

7. Về án phí: Buộc các bị cáo Diệp Ngọc H và Trần Thị Mỹ T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 30/11/2023. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo